TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2024/QĐST-DS	*Diễn Châu, ngày 15 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 125/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: - Ngân hàng ươ ng"Thương mại cổ phần X (E)

Trụ sở chính: Tầng 8, ă n"Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà V, số G L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Hà P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Đ - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP X, Chi nhánh V. *(Theo Giấy ủy quyền số 368/2023/EIB/UQ-CTHDQT ngày 03/10/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).*

Người được ủy quyền lại: Ông Lưu Đức T - Chức vụ: Chuyên viên phòng KHCN E, Chi nhánh V. *(Theo Giấy ủy quyền số 316A/2023/EIB/UQ ngày 30/11 /2023 của ông Nguyễn Minh Đ - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP X, Chi*

nhánh V).

Bị đơn: - Ông Lê Văn H, sinh năm 1966.

- Bà Hà Thị M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: K (xóm X), xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H: Bà Hà Thị M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: K (xóm X), xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. *(Theo giấy ủy quyền ngày 27 tháng 12 năm 2023).*

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chấm dứt trước thời hạn đối với hợp đồng tín dụng từng lần *(Áp dụng trong trường hợp cho vay từng lần đối với khách hàng)* số 1602-LAV-210038710 ngày 13/05/2021; Phụ lục (*đính kèm hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-210038710 ngày 13/05/2021)*; Khế ước nhận nợ số: 1602-LDS-210000240 ngày 13/05/2021 và Khế ước nhận nợ số: 1602-LDS-210000327 ngày 16/07/2021 và hợp đồng sử dụng thể thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/7/2021.

2.2. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Lê Văn H và bà Hà Thị M có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ươngTương mại cổ phần X (E) tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/01/2024 là 1.235.039.544 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu không trăm ba mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng)* theo hợp đồng tín dụng từng lần (*Áp dụng trong trường hợp cho vay từng lần đối với khách hàng)* số 1602-LAV-210038710 ngày 13/05/2021; Phụ lục *(đính kèm hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-210038710 ngày 13/05/2021)*; Khế ước nhận nợ số: 1602-LDS-210000240 ngày 13/05/2021; Khế ước nhận nợ số: 1602-LDS-210000327 ngày 16/07/2021 và hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 28/7/202, cụ thể:

- Nợ của khế ước nhận nợ số: 1602-LDS-210000240 ngày 13/05/2021 là 764.349.993 đồng *(Bảy trăm sáu mươi tư triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi ba đồng)*; trong đó nợ gốc là 697.302.000 đồng *(Sáu trăm chín mươi bảy triệu ba trăm linh hai nghìn đồng)*, nợ lãi trong hạn là 60.155.984 đồng *(Sáu mươi triệu một trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi tư*

đồng), nợ lãi quá hạn là 4.786.023 đồng *(Bốn triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn không trăm hai mươi ba đồng)*, nợ lãi trên số tiền lãi chậm trả lãi là 2.105.986 đồng *(Hai triệu một trăm linh năm nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng)*;

- Nợ của khế ước nhận nợ số: 1602-LDS-210000327 ngày 16/07/2021 là: 333.175.209 đồng *(Ba trăm ba mươi ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm linh chín đồng)*; trong đó nợ gốc là 302.500.000 đồng *(Ba trăm linh hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, nợ lãi trong hạn là 26.584.018 đồng *(Hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn không trăm mười tám đồng)*, nợ lãi quá hạn là 3.086.769 đồng *(Ba triệu không trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng)*, nợ lãi trên số tiền lãi chậm trả lãi là 1.004.422 đồng *(Một triệu không trăm linh bốn nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng)*.

- Nợ của thẻ tín dụng 4041-52XX-XXXX-5214 theo hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 28/7/2021 tổng số tiền 137.514.342 đồng *(Một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm mười bốn nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng)*. Trong đó nợ gốc là 94.109.206 đồng *(Chín mươi bốn triệu một trăm linh chín nghìn hai trăm linh sáu đồng)*, nợ lãi và phí là 43.405.136 đồng *(Bốn mươi ba triệu bốn trăm linh năm nghìn một trăm ba mươi sáu đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 18/01/2024, ông Lê Văn H và bà Hà Thị M còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng ươngTương mại cổ phần X (E) khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng từng lần *(Áp dụng trong trường hợp cho vay từng lần đối với khách hàng)* số 1602-LAV-210038710 ngày 13/05/2021; Phụ lục *(đính kèm hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-210038710 ngày 13/05/2021)*; Khế ước nhận nợ số: 1602-LDS-210000240 ngày 13/05/2021; Khế ước nhận nợ số: 1602-LDS-210000327 ngày 16/07/2021 và theo hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 28/7/2021, thẻ tín dụng 4041-52XX-XXXX-5214; Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (có hiệu lực ngày 25/12/2020). Lãi suất mà ông Lê Văn H và bà Hà Thị M phải tiếp tục trả cho Ngân hàng (E) được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng (E).

2.3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Lê Văn H và bà Hà Thị M không trả nợ hoặc trả không đủ thì (E) có quyền yêu cầu Chi Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền hoặc ơ"cơ quan khác có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 219, tờ bản đồ số 25, diện tích 339,1 m^2, tại K (xóm X), xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 497536, số vào sổ cấp GCN: CH 01749, quyết định cấp giấy số: 698 QĐ/UBND, ngày 12/04/2017 mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Lê Văn H1, do UBND huyện D, tỉnh Nghệ An cấp, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 021/EIBV-TDCN/BĐTS/21 ngày 11/05/2021 để thu hồi nợ cho (E).

Trường hợp ông Lê Văn H và bà Hà Thị M trả hết nợ cho Ngân hàng E thì Ngân hàng E trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho ông H, bà M. Nếu tài sản phát mại không thu hồi đủ nợ thì ông Lê Văn H và bà Hà Thị M có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho E đến khi trả xong nợ. Nếu tài sản phát mại còn thừa thì trả lại cho ông Lê Văn H và bà Hà Thị M.

2.4. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP X thỏa thuận chịu chi phí tố tụng và đã quyết toán xong, không yêu cầu xem xét.

3. Về án phí: Ông Lê Văn H và bà Hà Thị M thống nhất thỏa thuận chịu án phí dân sự.

Bà M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự. Ông H bị bệnh hiểm nghèo (Ung thư K thực quản), kinh tế khó khăn nên miễn giảm 50% án phí dân sự cho ông H. Ông Lê Văn H và bà Hà Thị M còn phải chịu 15.328.000 đồng *(Mười lăm triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng)* án phí dân sự.

Trả lại tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án cho Ngân hàng TMCP X số tiền 23.750.000 đồng *(Hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010962 ngày 14/11/2023.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THA dân sự huyện Diễn Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vương Thanh Minh